

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh.

Ông Nguyễn Văn Sở.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lý Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 383/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: D ấp B, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: D ấp B, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà H, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và các lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc H có nội dung:

Năm 2003, bà H quen biết và kết hôn với ông Nguyễn Thanh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An. Bà và ông P chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện bà H và ông P không còn chung sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: bà và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Minh P1 sinh ngày 05/9/2000 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 13/11/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/11/2024, bà H có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Nguyễn Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Phiên tòa hôm nay, ông P cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: bà H và ông P có 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28;

điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H, Bị đơn là ông Nguyễn Thanh P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông P đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P không chấp hành. Riêng bà H đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Thanh P tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã A, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông P được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, biết được việc bà H yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông P đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà H và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Minh P1 sinh ngày 05/9/2000 và Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 13/11/2004 hiện đã trưởng thành. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc H, cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000858 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, bà H đã nộp đủ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh